

MẶT TRẬN VIỆT MINH VỚI CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC

Bùi Thị Hà⁽¹⁾

(1) Viện Sử học – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt nam

Ngày nhận bài: 20/5/2021; Ngày gửi phản biện: 25/5/2021; Chấp nhận đăng: 30/6/2021

Liên hệ Email: habuivsh@gmail.com

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2021.04.224>

Tóm tắt

Mặt trận Việt Minh được thành lập (ngày 19-5-1941) đã thể hiện tính sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân đứng lên đấu tranh đánh đuổi phát xít Nhật – đế quốc Pháp, giành lại độc lập cho dân tộc. Ngày 25-3-1945, Mặt trận Việt Minh đã phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước trên khắp cả nước: đẩy mạnh công tác tuyên truyền, ráo riết vận động quần chúng tranh đấu bạo lực, phát động phong trào phá kho thóc, giải quyết nạn đói... Từ đó, Việt Minh đã tập hợp mọi lực lượng nhân dân tiến hành đấu tranh dưới nhiều hình thức, đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa, lập chính quyền cách mạng vững chắc trong nhiều địa phương, làm tiền đề cho việc lập chính quyền cách mạng trong cả nước trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Từ khóa: Mặt trận, Việt Minh, cao trào kháng Nhật

Abstract

THE VIET MINH FRONT WITH GREAT CLIMAX OF RESISTANCE AGAINST JAPAN TO SAVE THE COUNTRY

The Viet Minh Front, which was established on May 19, 1941, was the creation of the Communist Party of Vietnam and President Ho Chi Minh in order to rally the great national solidarity of Vietnamese people, encourage them to stand up to fight against and drive off the Japanese fascists and the French empire and to win the national independence. On March 25, 1945, The Viet Minh Front launched a movement against the Japanese to save the country throughout the country: promoting propaganda, actively mobilizing the masses to fight violence, launching a movement to destroy granaries, and solving hunger. The Viet Minh continued to gather all Vietnamese people's forces to fight in various forms, from partial uprisings to total uprisings, and established the revolutionary governments in many localities. This played the role of a premise for the establishment of the national revolutionary government during the August Revolution in 1945.

1. Giới thiệu

Tháng 5-1941, trước những thay đổi của tình hình trong nước và thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 của Đảng ở Khuổi Nậm, Pác Bó, Cao Bằng quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng, khẳng định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu đó, Hội nghị đã quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) nhằm tập hợp và đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các dân tộc, tôn giáo, các giới... tham gia Mặt trận. Sự ra đời và hoạt động của Mặt trận Việt Minh đã góp phần quan trọng cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, mà giai đoạn tiền khởi nghĩa – cao trào Kháng Nhật, cứu nước là một minh chứng tiêu biểu.

2. Bối cảnh lịch sử của cao trào Kháng Nhật, cứu nước

Từ cuối năm 1944, tình hình thế giới có những chuyển biến lớn. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Liên Xô truy đuổi phát xít Đức ra khỏi lãnh thổ của mình, giải phóng nhiều nước Trung, Đông Âu và trên đường tiến đến Berlin. Ngày 6-6-1944, quân Anh, Mỹ ở mặt trận thứ hai đã đổ quân lên nước Pháp và tiến lên miền Tây nước Đức.

Ở châu Á – Thái Bình Dương, quân đồng minh Anh, Mỹ giao chiến với quân Nhật. Giao thông, thông tin liên lạc bằng đường biển của quân Nhật bị Đồng Minh không chế. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á phát triển mạnh. Quân Nhật lâm vào tình thế khó khăn, nhưng vẫn cố sức kéo dài cuộc chiến, hi vọng đảo ngược tình thế. Ở Đông Dương, quân Pháp theo phái De Gaulle do tướng Mordant cầm đầu cũng ráo riết hoạt động, mưu đồ chiếm lại Đông Dương (Tạ Thị Thúy, 2014). Quân Nhật biết rõ âm mưu và hành động của bọn Pháp nhưng chưa dám truất ngay quyền của Pháp ở Đông Dương vì biết rằng đối thủ sẽ chống trả quyết liệt. Nhưng nếu xung đột xảy ra lúc này sẽ bất lợi cho chúng. Vì thế cả Pháp và Nhật đều kìm nén mâu thuẫn, tiếp tục hòa hoãn. Pháp nhân nhượng về quyền lợi như để cho Nhật đóng thêm quân, nộp thêm thóc gạo, tiền bạc cho Nhật. Ở chiều ngược lại, Nhật dùng bù nhìn làm con bài mặc cả với Pháp khi cơ hội xuất hiện (Minh Trang, 1960). “Đầu tháng 9 Tây, tình hình bên Pháp biến đổi. Bọn Nhật đã toan hạ Pháp, lập (hay làm ra bộ lập) chính phủ bù nhìn Việt gian ở Đông-dương. Chúng hứa với bọn Việt gian thân Nhật “ngai vàng bệ ngọc” thế nào mà những tên trùm Đại Việt còn sót lại như Ngô Đình Diệm (Trung Kỳ), đốc tờ Chữ, y sĩ Toàn (Bắc Kỳ) bảo nhau chạy vào bí mật... Bọn này tập tễnh trèo lên ghế chính phủ thì bỗng dưng được tin sét đánh: Nhật Pháp lại nhân nhượng với nhau một lần nữa” (báo *Cờ giải phóng*, số 8 ngày 10/11/1944). Đảng ta nhận định “sự hòa hoãn” này có khác chi cái nhọt bọc, chứa chất bên trong biết bao nhiêu vi trùng và máu mủ, chỉ còn chờ dịp chín mồm là vỡ tung ra” và “cả hai quân thù của nhân dân ta là Nhật-Pháp đang đóng một tấn

kịch giả dối, vô cùng nguy hiểm cho chúng. Cả hai đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mày chết, quyết liệt cùng nhau”.

Ngày 9-3-1945, tình thế ở Thái Bình Dương buộc Nhật phải hạ Pháp để trừ cái họa bị Pháp đánh sau lưng khi Đồng Minh đổ bộ. Vì vậy, vào hồi 19 giờ ngày 9-3-1945, đại sứ Nhật ở Sài Gòn trao tối hậu thư cho Toàn quyền Đông Dương Decoux đòi Pháp trao tất cả quyền hành ở Đông Dương cho Nhật. Thư yêu cầu Pháp phải trả lời trước 21 giờ. Nhưng không đợi Pháp trả lời, vào lúc 20 giờ 20 phút, Nhật làm cuộc đảo chính lật Pháp trên toàn Đông Dương. Quân Nhật tấn công quân Pháp ở Hà Nội, Hải Phòng, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Sơn Tây, Phú Thọ, Lào Cai, Nam Định, Xavanakhet, Thà Khẹt. 20 giờ 40 phút tấn công ở Sài Gòn. Ở một vài nơi quân Pháp kháng cự yếu ớt rồi bị tiêu diệt hoặc đầu hàng. Hơn 8 vạn quân Pháp tan rã, 1.662 tên bị giết và hàng ngàn quan chức, kiều dân Pháp ở Đông Dương bị cầm tù. Chỉ còn một số tàn quân Pháp chạy qua biên giới sang Trung Quốc. Ở Lạng Sơn, quân Pháp bị thiệt hại tới 80% quân số, một số khác bị giam giữ trong một vài thành phố Institut (Franco-Suisse d'Études Coloniale, 1947). Trong cùng thời gian này, Nhật còn xâm chiếm Triều Tiên, Philipine, Myanmar, phía Nam Trung Hoa để thiết lập “Vành đai Đại Đông Á” Pierre Labrosse (1996).

Trước khi rời Côn Minh, Hồ Chí Minh gửi phía Mỹ bản giải thích sự kiện đảo chính 9 tháng 3. Hồ Chí Minh cho rằng điều này đã đặt dấu chấm hết sự thống trị của Pháp ở Đông Dương, sự thống trị bắt đầu từ 87 năm trước đây; và đi đến kết luận, “Như thế, con sói thực dân Pháp cuối cùng bị con linh cẩu phát-xít Nhật nuốt chửng”. Đây là “sự kiện thời khắc” duy nhất, và sẽ có “một sự chịu đựng nghiêm trọng trong chiến tranh thế giới nói chung, ở Đông Dương, Pháp, Nhật Bản và Trung Quốc nói riêng” (William J. Duiker, 2000).

Việc Nhật đảo chính Pháp đã được Đảng ta dự đoán từ trước đó khá sớm. Tháng 3-1945, nhận được tin Toàn quyền Decoux bị Nhật gọi vào Sài Gòn và thông tin Nhật phân phát đạn và lương thực dự trữ cho binh lính trong 10 ngày, Tổng Bí thư Trường Chinh dự đoán Nhật sẽ đảo chính Pháp trong thời gian tới.

Ngày đêm Nhật đảo chính Pháp, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh để đánh giá tình hình và đề ra chủ trương mới. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết và công bố Chỉ thị “*Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”. Trong bản Chỉ thị này, Trung ương Đảng chỉ rõ:

1. Cuộc đảo chính của Nhật mang lại những thay đổi lớn dưới đây: Đế quốc Pháp mất quyền thống trị ở Đông Dương, không phải là kẻ thù cụ thể trước mắt của ta nữa; mặc dầu ta vẫn phải đề phòng cuộc vận động của De Gaulle định khôi phục quyền thống trị của Pháp ở Đông Dương. Sau cuộc đảo chính này, đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt-duy nhất của nhân dân Đông Dương. Bọn Pháp kháng chiến đang đánh Nhật là đồng minh quân khách quan của nhân dân Đông Dương lúc này.

2. Khẩu hiệu chính thay đổi và toàn bộ chiến thuật thay đổi – cương quyết tẩy trừ những khẩu hiệu và hình thức đấu tranh cũ; chuyển qua những hình thức tuyên truyền, tổ chức và đấu tranh mới, đặc biệt chú ý những điều dưới đây:

Đem khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” thay cho khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật, Pháp”, đem khẩu hiệu “Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương” chống lại chính quyền Nhật và chính phủ bù nhìn của bọn Việt gian thân Nhật.

Chuyển trục tâm tuyên truyền vào hai vấn đề: Giặc Nhật không giải phóng cho ta, trái lại tăng thêm áp lực bóc lột ta; Giặc Nhật không thể củng cố chính quyền ở Đông Dương và nhất định chúng sẽ chết.

3. Thay đổi mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và tranh đấu cho hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa, động viên mau chóng quần chúng tiến lên mặt trận cách mạng, tập dượt cho quần chúng mạnh dạn tiến lên khởi nghĩa.

Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ trên toàn quốc, làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

Sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi đã đủ điều kiện (Minh Tranh, 1960).

Hội nghị nhận định cuộc đảo chính Nhật – Pháp đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, làm cho điều kiện của cuộc khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi. Đó là chính trị ngày càng khủng hoảng trầm trọng, phát xít Nhật không rảnh tay để đối phó với phong trào cách mạng của nhân dân ta. Nạn đói diễn ra từ cuối năm 1944 đã gây ra nhiều tai họa khủng khiếp. Chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt, quân Đồng Minh sẽ vào Đông Dương đánh Nhật. Đảng ta dự kiến hai trường hợp cho Tổng khởi nghĩa nổ ra: Một là, khi Đồng Minh vào bám chắc địch ở Đông Dương, quân Nhật đem quân ra đánh Đồng Minh thì đó là thời điểm phát động khởi nghĩa. Hai là, cách mạng Nhật bùng nổ, lập chính quyền cách mạng của nhân dân hay Nhật mất nước như Pháp năm 1940. Từ đó Nhật sẽ đầu hàng và quân đội của chúng ở Đông Dương sẽ mất tinh thần...

Chỉ thị trên của Đảng cũng nêu rõ là không chờ cả hai trường hợp ấy xuất hiện đồng thời thì mới hành động. Vì như thế là y lại vào quân Đồng minh và tự bó tay mình trong khi tình thế chuyển biến thuận lợi. Như vậy, dự kiến quân Nhật đầu hàng là quan trọng hơn cả. Bản chỉ thị tuyên bố, có một số yếu tố thuận lợi để khởi nghĩa thành công, bao gồm khủng hoảng chính trị do đảo chính, nạn đói tăng mạnh và khả năng Đồng minh can thiệp, rồi kết luận đấu tranh vũ trang bây giờ sẽ được coi là ưu tiên cao nhất. Do vậy, bản chỉ thị kêu gọi mở rộng căn cứ du kích, mở rộng cơ sở chính trị Mặt trận Việt Minh, tập hợp những lực lượng vũ trang cách mạng khác nhau vào Việt Nam Giải phóng quân (William J. Duiker, 2000).

Như vậy, đứng trước sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước thời điểm đầu năm 1945, Hội nghị Đình Bảng và Chỉ thị “*Nhật Pháp bắn nhau và hành động*

của chúng ta” thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng. Bản Chỉ thị có tầm quan trọng lịch sử lớn đối với cách mạng Việt Nam và Đông Dương. Nó như lời hiệu triệu, ngọn cờ dẫn dắt cho nhân dân nắm chắc được tình hình mới, trên cơ sở đó kịp thời có những hành động đúng đắn để bước sang giai đoạn quyết định của cách mạng, từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

Từ ngày 15 đến ngày 20-4-1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ đã họp đề ra phương hướng nhằm phát triển cao trào kháng Nhật cứu nước, đồng thời mở rộng và phát triển Mặt trận Việt Minh. Hội nghị cho rằng để phát huy sức mạnh toàn dân trong cuộc kháng Nhật lần này, cần triệt để thực thi chính sách Việt Minh. Đồng thời phải đảm bảo quyền lợi cho quần chúng nhân dân: cải thiện sinh hoạt, giải quyết ruộng đất cho dân cày nghèo, cân bằng lợi ích giữa dân nghèo và các tầng lớp trung lưu như phú nông, địa chủ...

Đó là cơ sở và tiền đề quan trọng để Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc đẩy mạnh cao trào Kháng Nhật cứu nước trong toàn quốc. Thực hiện Chỉ thị của Đảng, Mặt trận Việt Minh ráo riết đẩy mạnh cao trào “Kháng Nhật, cứu nước” trong toàn quốc.

3. Mặt trận Việt Minh với cao trào Kháng Nhật, cứu nước

Ngày 15-3-1945, Tổng bộ Việt Minh ra tờ hịch kết tội bọn xâm lược Nhật và kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên Kháng Nhật cứu nước. Bản hịch này in theo lối truyền đơn, đã rải 15 vạn tờ ở Bắc Bộ (Trần Huy Liệu, Văn Tạo, 1957). Ngày 12-4-1945, Mặt trận Việt Minh ra bản kêu gọi “Đồng tiền cứu nước” nhằm động viên tài lực, vật lực của nhân dân góp phần vào công cuộc kháng Nhật, giải phóng dân tộc (Trần Huy Liệu, Văn Tạo, 1957). Cũng từ đây, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Mặt trận Việt Minh đã tham gia vào cao trào Kháng Nhật, cứu nước trên nhiều lĩnh vực khác nhau:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

Mặt trận Việt Minh tuyên truyền khẩu hiệu chống chính quyền của Nhật và của bọn Việt gian thân Nhật, nêu khẩu hiệu “Chính quyền cách mạng nhân dân”. Chỉ thị ngày 12-3-1945 chỉ rõ cần phải chuyển qua những hình thức cổ động mạnh bạo hơn như mít tinh diễn thuyết có cờ, băng, áp phích, truyền đơn, bướm bướm. Tổ chức những cuộc hát đồng thanh và thao diễn, triển lãm sách, báo, tranh ảnh, võ khí. Trên thực tế, Mặt trận Việt Minh đã thực hiện hai hình thức tuyên truyền cách mạng gồm *rải truyền đơn* và *tuyên truyền trên báo chí cách mạng*. Việt Minh thực hiện những cuộc phát truyền đơn, dán biểu ngữ vạch rõ âm mưu của Nhật, kêu gọi dân chúng tham gia hàng ngũ kháng Nhật cứu nước trên nhiều tuyến phố của Hà Nội, các vùng đô thị, các vùng nông thôn, nhận được sự hưởng ứng liệt nhiệt của nhân dân khắp nơi. Những đội “tán phát xung phong” được thành lập, võ trang đi phát nhiều tuyên ngôn của Việt Minh về tình hình Nhật – Pháp bắn nhau. Dán nhiều áp phích và thường xuyên giới thiệu lá cờ Việt Minh với quốc dân. Các tờ báo cách

mạng thời kỳ này cũng thực hiện nhiều bài truyền truyền cổ động cho Việt Minh và tiến tới chống các xu hướng thân Nhật, phục Nhật: Giải phóng, Cứu quốc, Việt Nam độc lập của Mặt trận Việt Minh Cao Bắc Lạng, Bãi Sậy của Việt Minh Hưng Yên, Mê Linh của Việt Minh Vĩnh Yên, Hiệp lực của Việt Minh Bắc Giang... (Trần Huy Liệu, Văn Tạo, 1957).

Mặt trận Việt Minh cũng tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình tuần hành võ trang của dân chúng mang cờ, băng với những khẩu hiệu kháng Nhật ở các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Phúc Yên, Sơn Tây, Hưng Yên, Ninh Bình (ĐCSVN, 1997). Ở các thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn, công nhân tuyên truyền gây thanh thế cho Việt Minh. Những hoạt động treo cờ diễn thuyết ở chỗ đông người, các rạp hát, trường học, ngã 3 đường trên tàu điện diễn ra ở Hà Nội. Ở Hà Nội, học sinh thanh niên bất hợp tác với Nhật, không học tiếng của Nhật, tổ chức những cuộc mít tinh, tuyên truyền tinh thần yêu nước tại Mễ Trì, chợ Canh, Láng. Việt Minh tổ chức diễn thuyết tại trường Gia Long, trường Kỹ nghệ, nhà máy Avia (Hà Nội) (Trần Huy Liệu, Văn Tạo, 1957). Đông đảo giáo viên, học sinh đã hưởng ứng phong trào Việt Minh.

Việt Minh cũng thuyết phục các giai tầng như tư sản, địa chủ để lôi kéo họ về phía cách mạng, cùng nhân dân hưởng ứng cao trào kháng Nhật. Việt Minh ra nhiều thư kêu gọi như: *Những lời tâm huyết ngỏ cùng các vị huynh thư ái quốc, Mấy lời tâm huyết ngỏ cùng các vị quan chức ái quốc Việt Nam* (12-4-1945). Sự vận động này đã có kết quả khi tại nhiều địa phương, một số địa chủ quan lại đã tình nguyện đi theo Việt Minh, hô hào thuyết phục người thân đi theo, ủng hộ Việt Minh, quyên góp lúa gạo, tiền bạc, nuôi giấu cán bộ Việt Minh.

Ráo rức vận động quần chúng tranh đấu bạo lực

Theo tinh thần của Chỉ thị ngày 12-3-1945, *khẩu hiệu tranh đấu* phải thay đổi cho phù hợp với tình hình mới, gắn khẩu hiệu đòi cơm áo, chống thu thóc, thu thuế với khẩu hiệu “Chính quyền cách mạng của nhân dân”. *Thuật vận động tranh đấu* phải bám lấy nạn đói mà cổ động quần chúng lên đường tranh đấu (tổ chức những cuộc biểu tình đòi gạo, đòi ăn hay phá kho thóc gạo của đế quốc). *Hình thức tranh đấu* tiến tới ở mức cao hơn như biểu tình tuần hành, bãi công chính trị, mít tinh công khai, bãi khoá bãi thị, bất hợp tác với Nhật về mọi phương diện, chống thu thóc không nộp thuế, phát động du kích ở những nơi địa hình, địa thế, đề phòng Nhật đàn áp.

Trên thực tế, Việt Minh đã tổ chức đội du kích cách mạng phá đường giao thông, đánh vào các đơn vị hành chính cấp cơ sở như châu phủ huyện, tiểu trừ Việt gian, thành lập ủy ban nhân dân cách mạng ở Cao Bằng, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Bắc Giang, Lạng Sơn, Tuyên Quang (Trần Huy Liệu, Văn Tạo, 1957)... Ở nhiều thị xã, thành phố và ngay cả ở Hà Nội, các đội danh dự Việt Minh đã táo bạo trừ khử một số tên tay sai đắc lực của địch, kích thích tinh thần cách mạng của quần chúng. Anh em tù chính trị ở Nghĩa Lộ (Yên Bái) nổi dậy phá ngục (Trần Huy Liệu, Văn

Tạo, 1957). Ở Bắc Giang nhiều xã thuộc vùng Thượng Yên Thế, Hữu Lũng, Bó Hạ, Hòa Hiệp..., quần chúng nổi dậy biểu tình thị uy, vũ trang, lập Ủy ban giải phóng. Hàng ngàn quần chúng kéo đi tước vũ khí của lính đồn. Toàn bộ huyện Hiệp Hòa, một phần Yên Thế, Phú Bình được giải phóng. Tại Bắc Ninh, sau đêm Nhật đảo chính Pháp, chi bộ Đảng xã Trung Mầu (Tiên Du) lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa lập chính quyền cách mạng ở hai xã Trung Mầu và Dương Hút. Tại đây, phong trào Việt Minh phát triển rất mạnh, trên thực tế nắm quyền quản lý mọi mặt chính trị, xã hội của địa phương, tạo nên những hình thức quá độ tiến lên lập chính quyền cách mạng. Trong tình hình ấy, Tỉnh ủy Bắc Ninh chủ trương đẩy mạnh công tác tuyên truyền đưa phong trào quần chúng tiến lên. Vì vậy chỉ trong tháng 3 và tháng 4, số hội viên Việt Minh trong tỉnh đã tăng lên hàng vạn người.

Tại Hưng Yên, đêm 11-3-1945, đội tự vệ chiến đấu địa phương đã đánh đồn Bần (Yên Nhân) thu toàn bộ vũ khí. Hàng ngàn đảng viên, cán bộ cách mạng khác đang bị giam trong các nhà tù Nghĩa Lộ, Sơn La, Hòa Lò (Hà Nội), Buôn Ma Thuột, Hội An (Quảng Nam)... nhân cơ hội Nhật – Pháp bắn nhau đã đấu tranh đòi tự do, hoặc nổi dậy phá nhà giam, vượt ngục ra ngoài hoạt động đó là nguồn bổ sung cán bộ quan trọng cho cách mạng, là một trong những nhân tố thúc đẩy cao trào tiền khởi nghĩa. Ở Ba Tơ (Quảng Ngãi), nhân dân nổi dậy khởi nghĩa từ ngày 11-3-1945, lập Ủy ban nhân dân cách mạng tuyên bố tự do dân chủ, phân phát tài sản tịch thu của địch cho nhân dân. Tháng 4-1945, Chi thị *Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* mới về đến Thanh Hóa và tháng 6-1945 về đến Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên. Kể từ thời điểm cuối tháng 7-1945, Đảng bộ Trung Kỳ được củng cố thì Việt Minh mới phát triển mạnh mẽ trong khu vực.

Phát động phong trào phá kho thóc, giải quyết nạn đói

Phong trào quần chúng trong cả nước đang trên đà phát triển mạnh mẽ ở cả vùng nông thôn và thành thị thì nạn đói diễn ra nghiêm trọng hơn ở các tỉnh Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ. Nạn đói diễn ra phổ biến trên toàn Bắc Kỳ từ Quảng Trị trở ra mà trọng điểm là các tỉnh duyên hải Bắc Kỳ như Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Kiến An, Quảng Yên, cao nhất là Thái Bình với điểm Tây Lương có tỷ lệ người chết đói là 66,66% (2/3 dân số), các tỉnh khác đều hơn 50% dân số chết đói. Các tỉnh Bắc Trung Kỳ nạn đói cũng rất trầm trọng. Nguyên nhân nạn đói được cho là do *chính sách vơ vét, dự trữ thóc gạo của Nhật, Pháp, cấm vận của phát xít, tắc nghẽn giao thông do chiến tranh và thiên tai mất mùa cuối năm 1944* (Văn Tạo, Furuta Motoo, 2016). Quân Nhật thì vơ vét cho chiến tranh, thực dân Pháp thì dự trữ lúa gạo phòng khi Đồng Minh chưa tới mà Nhật đã yếu, phải đánh Nhật, hoặc dùng lương thực để cho cuộc tái chiếm Việt Nam sau này. “Nhật Pháp tuy thống nhất với nhau vơ vét thóc gạo để giết hại nhân dân Việt Nam, nhưng chúng vẫn chuẩn bị diệt nhau. Việc Pháp thu thóc để cung cấp cho Nhật là có, nhưng không phải Pháp không lợi dụng lấy thóc đó để dự trữ chống Nhật. Và Nhật hiểu rõ điều đó nên ngày 9-3-1945 đã quật ngã Pháp” (Văn Tạo, Furuta Motoo, 2016).

Thời tiết không thuận lợi dẫn tới vụ thu đông năm 1944 mất mùa, các đầu nậu đầu cơ và tích trữ thóc gạo. Chính quyền Nhật Bản lại chở gạo về Nhật và bắt nông dân ở Bắc Việt Nam nhổ lúa trồng cây có dầu, lạc, bông và đay. Khi nạn đói hoành hành, Nhật không chịu mở kho thóc cứu trợ hoặc tăng việc chở gạo từ đồng bằng Cửu Long tới những khu vực đang bị đói kém ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Chính quyền Jean Decoux tỏ ra thờ ơ và vô trách nhiệm. Mùa đông năm ấy, chính quyền từ chối cắt giảm thuế, tăng hạn mức gạo bắt buộc mỗi nông dân phải bán cho chính phủ. Khi giá toàn bộ nhu yếu phẩm bắt đầu nhanh chóng tăng lên, nạn đói cũng bắt đầu đe dọa khu vực thành thị. Đến giữa mùa đông, hàng ngàn người chịu cảnh đói, số người chết đói tăng lên nhanh chóng. Nông dân phải chống đói bằng cách ăn rễ cây, cỏ dại, thậm chí cả vỏ cây, đồng thời dân thành thị phải bán những thứ đồ quý giá trong gia đình để mua gạo và rau với giá cả cao vót do lạm phát. Xác người chết bắt đầu xuất hiện dọc quốc lộ, những nông dân đói đi lang thang ăn xin hoặc tụ tập gần những kho thóc được quân đội Nhật canh giữ nghiêm ngặt (William Duiker, 2000).

Khẩu hiệu “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói” được kịp thời đưa ra đã đẩy lên phong trào đánh chiếm kho thóc của Nhật để chia cho dân nghèo. Một bầu không khí tiền khởi nghĩa lan tràn khắp cả nước, báo trước giờ hành động quyết định sắp tới. *Giữa mùa đông năm ấy, cán bộ Việt Minh xúi giục nông dân phá các kho thóc ở khắp các tỉnh Bắc Kỳ, Trung Kỳ, chiếm kho thóc chia cho những người bị đói* (William Duiker, 2000). Phong trào phá kho thóc, chia thóc, khát nộ thóc, đòi phát thóc, đòi đóng thóc rẻ, bán thóc giống, vay thóc để cứu đói, chống nộ thóc bắt người, chống thuế, chống bắt phu diễn ra rầm rộ ở các tỉnh Bắc Kỳ từ tháng 3 đến tháng 7-1945. Biểu tình vũ trang hàng hai ba ngàn người kéo đi đánh chiếm kho thóc trong các đồn điền Tây phản động và các kho thóc chia cho dân nghèo ở Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Ninh Bình (ĐCSVN, 1997) ...

Ở Bắc Giang, Bắc Ninh, hàng ngàn quần chúng đi phá kho thóc của Nhật, Pháp; Hiệp Hòa, Tiên Du, Yên Phong, Thuận Thành thu hàng ngàn tấn thóc chia cho dân. Ở Vĩnh Yên, Phúc Yên, hàng chục kho thóc bị phá. Ở Phú Thọ trong một thời gian ngắn 14 kho thóc bị phá. Ở Ninh Bình, ngày 15-3 quần chúng các huyện Nho Quan, Gia Viễn đã phá 12 kho thóc, thu hàng trăm tấn thóc chia cho dân nghèo. Ở Thái Bình, trong tháng 3 và tháng 4, nhân dân các huyện Phụ Dực, Thư Trì, Tiền Hải, Vũ Tiên, Tiên Hưng đã thu 1.000 tấn thóc chia cho dân. Ở Hải Dương, nhân dân phá 39 kho thóc và lấy 43 thuyền gạo với 2.000 tấn. Riêng các huyện phía nam tỉnh đã phá 26 kho thóc, thu 26 thuyền với hơn 1.000 tấn gạo. Ở Hưng Yên, Hòn Gai, Hà Đông, Sơn Tây nhân dân phá kho thóc, gạo của Nhật. Ở ngoại thành Hà Nội, nhân dân tiến hành phá các kho thóc, gạo của Nhật ở phố Bắc Ninh, phố Lê Lợi, Phà Đen thu hàng trăm tấn. Ở các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình cũng diễn ra nhiều cuộc phá kho thóc, cứu đói (Trần Huy Liệu, Văn Tạo (1957).

Trong phong trào phá kho thóc, cứu đói, công nhân và dân nghèo Hà Nội cùng đi phá các kho thóc của Nhật. Công nhân bến cảng Hải Phòng bí mật đốt phá

các kho lương thực ở bến Sáu Kho, cho nhân dân vào lấy gạo. Công nhân mỏ Đông Triều chặn bắt tàu thuyền chở gạo của Nhật, công nhân Sài Gòn quyên góp gạo, tiền gửi ra Bắc giúp đồng bào cứu đói.

Nhận định về vai trò của Mặt trận Việt Minh với phong trào phá kho thóc, giải quyết nạn đói, Cố Tổng Bí thư Trường Chinh đã viết như sau: “Lúc đó, việc lãnh đạo quần chúng nhân dân vũ trang đánh phá các kho thóc của Nhật và các đồn điền tích trữ đầy nông sản của thực dân Pháp, chính là một việc máu chót mà cán bộ cộng sản và Việt Minh đã nắm lấy và giải quyết, khiến cho quần chúng đông đảo, có tổ chức cũng như không có tổ chức, hăng hái tham gia phong trào chống Nhật; càng tham gia càng nhận rõ bộ mặt ghê tởm của địch và cảm thấy sức mạnh của mình. Chính do những cuộc đánh phá các kho thóc và các đồn điền mà phong trào cứu quốc phát triển rầm rộ, nhân dân vũ trang nhanh chóng, các đội tự vệ thành lập ở những nơi chưa hề có phong trào và những uỷ ban giải phóng nảy nở ra ở nhiều tỉnh” (Trường Chinh, 1960).

Mở rộng tổ chức cơ sở Mặt trận Việt Minh

Chỉ thị ngày 12-3-1945 yêu cầu mở rộng cơ sở Việt Minh như thành lập những ban “Tổ chức xung phong” đi gây cơ sở cứu quốc ở những nơi chưa có phong trào. Dùng những hình thức tổ chức đơn sơ như bảo an, nhân dân tự vệ đội, nghĩa dũng đoàn, vũ dũng đoàn, uỷ ban hàng xã, uỷ ban trật tự nhà máy... làm cơ sở cứu quốc, phát triển các đội tự vệ cứu quốc và thanh niên cứu quốc. Việt Minh đã phát triển hội viên của các tổ chức cứu quốc, có nơi hội viên tăng 6 lần so với trước khi xảy ra cuộc đảo chính Nhật – Pháp.

Các uỷ ban giải phóng và uỷ ban nhân dân cách mạng thành lập ở các nơi để giữ lấy chính quyền địa phương và kêu gọi toàn dân kháng Nhật. Những hình thức quá độ chính quyền cách mạng được hình thành ngày càng nhiều ở những nơi có phong trào Việt Minh. Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh lập ra Ủy ban Dân tộc giải phóng, tổ chức các lớp huấn luyện, tập dượt cho nhân dân nắm chính quyền, làm cơ sở hình thành nên lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng trong cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong các tháng 5-6/1945, Ủy ban dân tộc giải phóng được lập ra nhiều nơi trong 10 tỉnh đồng bằng và hai thành phố lớn của Bắc Kỳ. Điều đó chứng tỏ chỉ thị của Tổng bộ Việt Minh đã được thực hiện kịp thời.

Việt Minh đã tiến tới thành lập chiến khu Hòa – Ninh – Thanh (các tỉnh Thanh Hóa, Hòa Bình, Ninh Bình, Hà Nam) (5-1945), chiến khu Trần Hưng Đạo (Hải Dương, Quảng Yên, Hồng Gai); tại Huế, Việt Minh các huyện được thành lập kèm theo bí danh như ở Phú Vang, Hương Trà, Quảng Điền, Phong Điền...

Ngày 4-6-1945, thực hiện chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Hội nghị cán bộ và tuyên bố chính thức thành lập Khu Giải phóng Việt Bắc gồm 2 căn cứ lớn nằm trên địa bàn của 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng thuộc các tỉnh Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái..., làm căn cứ kháng Nhật. Chính quyền cách mạng Khu giải

phóng căn cứ vào Chương trình của Việt Minh để đề ra một số chính sách mới, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân lúc này.

Thành lập Thanh niên Tiền phong – cánh tay nối dài của Việt Minh ở Nam Kỳ

Ở Nam Kỳ, Việt Minh hoạt động tại nhiều nơi như Mỹ Tho và Hậu Giang (ĐCSVN, 1997), đến tháng 6-1945, lực lượng Thanh niên Tiền phong ra đời nối dài cánh tay của Việt Minh, làm cho việc tập hợp quần chúng nhanh chóng phát triển lớn mạnh như Phù đồng. Ngày 1-6-1945, thực hiện chủ trương của Xứ ủy, Phạm Ngọc Thạch được sự phối hợp của các bộ phận yêu nước và cơ sở mật ở nội thành ra tuyên bố thành lập một tổ chức công khai, lấy tên gọi mà Xứ ủy gợi ý là: *Thanh niên Tiền phong*, nhằm tập hợp hầu hết thanh niên và những người yêu nước khác thuộc các giới, các ngành trên toàn Nam Kỳ (Hà Minh Hồng, 2016).

Theo cách của Việt Minh đang tập hợp và tổ chức quần chúng, tổ chức Thanh niên Tiền phong đã thực hiện đoàn ngũ hóa nhân dân thành các đoàn thể: *Thanh niên Tiền phong, Phụ nữ Tiền phong, Phụ lão Tiền phong, Thiếu nhi Tiền phong, Thanh niên Tiền phong Ban xí nghiệp*... Đến tháng 8-1945, sau 3 tháng ra đời và phát triển, toàn Nam Kỳ có khoảng hơn 1 triệu đoàn viên Thanh niên Tiền phong khắp thành thị nông thôn nơi nào cũng có Thanh niên Tiền phong làm nòng cốt (Hà Minh Hồng, 2016).

Ba công tác chính trong hoạt động của Thanh niên Tiền phong là: Tổ chức huấn luyện chính trị cho các thủ lĩnh và đoàn viên nhằm xây dựng nòng cốt; huấn luyện quân sự nhằm tập dợt vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền; tổ chức các hoạt động xã hội nhằm tỏ rõ tính cách mạng của tổ chức này. Thanh niên Tiền phong đã tổ chức 2 cuộc tuyên thệ tại vườn Ông Thượng (nay là Công viên văn hóa Tao Đàn) các ngày 5-7-1945, 19-8-1945, có hàng vạn người tham dự. Đó là những cuộc mít tinh khổng lồ để tuyên truyền cách mạng rất hiệu quả, có sức cổ vũ lôi kéo các tầng lớp, các giới, kể cả tầng lớp trung gian vào con đường giải phóng dân tộc theo ngọn cờ Việt Minh. Tại lễ tuyên thệ lần thứ 2, Thanh niên Tiền phong chính thức tuyên bố gia nhập Việt Minh và công khai tổ chức chuẩn bị khởi nghĩa (Hà Minh Hồng, 2016), là lực lượng xung kích trong công tác tuyên truyền Việt Minh và trở thành một lực lượng quan trọng trong những ngày Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn và Nam Kỳ (Tạ Thị Thuý, 2014).

Thanh niên Tiền phong đã nối dài cánh tay của Việt Minh, làm cho cách mạng ở Nam Kỳ “bổng chốc” có một lực lượng lớn thần kỳ như “Phù Đổng Thiên Vương” (Hà Minh Hồng, 2016). Quần chúng đông đảo được tập hợp thành tổ chức trong một thời gian ngắn chuẩn bị cho một cuộc quật khởi lật đổ ách cai trị của ngoại bang giành tự do, độc lập cho toàn dân tộc.

4. Một số nhận xét

Cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, rộng khắp với nhiều ưu và khuyết điểm như sau: Về *ưu điểm*, phong trào đã biết chuyển hướng, kịp thời tập

trung lực lượng đánh chĩa vào phát xít Nhật. Phong trào có tính chất võ trang mạnh mẽ. Trong cuộc chiến đấu kháng Nhật đã thực hiện Mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi chống kẻ thù chung. *Về khuyết điểm*, nhìn chung phong trào phát triển quá chênh lệch (nơi quá cao, nơi quá thấp). Không tạo ra những cán bộ trung kiên ngay ở các địa phương để điều khiển phong trào khi bị khủng bố. Không gây được cơ sở công nhân rộng rãi nhất là ngành công nhân vận tải. Không chú ý việc thực hành công tác trong bộ đội (ĐCSVN, 1997).

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh, trong cao trào kháng Nhật cứu nước, các hình thức chính quyền cách mạng đã hình thành, từ thấp đến cao, đặc biệt là Ủy ban dân tộc giải phóng, Ủy ban nhân dân cách mạng trong khu giải phóng Việt Bắc và các chiến khu chống Nhật. Đó là cơ sở thực tiễn để Hội nghị Toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) ngày 13-8-1945 nhận định điều kiện Tổng khởi nghĩa đã chín muồi, quyết định chuyển từ tiền khởi nghĩa sang Tổng khởi nghĩa. *Với sự ra đời của Việt Minh, tư duy về vấn đề mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng đạt tới một đỉnh cao mới, mở đường dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám* (Phạm Hồng Tung, 2000).

Với cao trào kháng Nhật, cứu nước, Mặt trận Việt Minh đã thể hiện đầy đủ vai trò chính trị, tập hợp mọi lực lượng nhân dân tiến hành đấu tranh dưới nhiều hình thức, đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa, lập chính quyền cách mạng vững chắc trong nhiều địa phương, làm tiền đề cho việc lập chính quyền cách mạng trong cả nước trong Cách mạng tháng Tám.

Những thắng lợi của Mặt trận Việt Minh là kết quả của sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Đông Dương trong việc kết hợp giữa nhiệm vụ phản đế và phản phong, giữa dân tộc và giai cấp, giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với chủ nghĩa yêu nước. Nó cũng xuất phát từ việc Việt Minh đã đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích của các tầng lớp nhân dân, làm cho mọi người Việt Nam thấy được trách nhiệm và quyền lợi của mình trong tổ chức này. Đánh giá vai trò của Mặt trận Việt Minh, Tuyên ngôn của Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh – Liên Việt họp tháng 3-1951 nêu rõ: *“Việt Minh có công lớn trong việc xây dựng khối Đại đoàn kết toàn dân, chống quân cướp nước. Công đức ấy tất cả mọi người Việt Nam phải ghi nhớ. Lịch sử của Việt Minh 10 năm đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc cũng là những trang sử vẻ vang vào bậc nhất của dân tộc Việt Nam ta”* (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2006).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN, 1997). *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7 (1940-1945)*. NXB Chính trị Quốc gia.
- [2] Hà Minh Hồng (2016). Việt Minh và việc tập hợp lực lượng yêu nước ở Nam Kỳ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Trong sách *Cách mạng tháng Tám 1945 với sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển*. NXB Chính trị Quốc gia.

- [3] Hà Minh Hồng (2020). *Sức mạnh Phù Đổng trong Tổng khởi nghĩa ở Sài Gòn tháng 8/1945*. Báo điện tử Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngày 25/08/2020. <http://tapchimattran.vn/nguyen-cuu/suc-manh-phu-dong-trong-tong-khoi-nghia-o-sai-gon-thang-81945-36802.html>, đăng ngày 26-8-2020.
- [4] Institut Franco-Suisse d'Études Coloniale (1947). *France et Viet-nam, le conflit Franco-Vietnamien d'après les documents officiels*. Édition du milieu du Monde, Genève.
- [5] Minh Tranh (1960). *Việt Minh và thắng lợi Cách mạng tháng Tám*. NXB Sự thật.
- [6] Pierre Labrosse (1996). *La méthode Vietminh: Indochine 1945-1954*. Lavauzelle, Paris.
- [7] Phạm Hồng Tung (2000). “Tìm hiểu thêm về mặt trận Việt Minh”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 2.
- [8] Tạ Thị Thuý (Chủ biên) (2014). *Lịch sử Việt Nam tập 9 từ năm 1930 đến năm 1945*. NXB Khoa học Xã hội.
- [9] Trần Huy Liệu, Văn Tạo (1957). *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam*, tập 11. NXB Văn Sử Địa.
- [10] Trường Chinh (1960). *Cách mạng tháng Tám*. NXB Sự thật.
- [11] Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2006). *Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. Quyển 1 (1930-1954)*. NXB Chính trị Quốc gia.
- [12] Văn Tạo, Furuta Motoo (Chủ biên, 2016). *Nạn đói năm 1945 ở Việt Nam - Những chứng tích lịch sử*. NXB Chính trị Quốc gia.
- [13] Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (VAOSS, 2016). *Cách mạng tháng Tám 1945 với sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển*. NXB Chính trị Quốc gia.
- [14] William J. Duiker (2000). *Ho Chi Minh: A life*. A New York Times Notable Book